

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS - ST

Ngày 07/8/2024

Về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Ông Hoàng Triệu Nghĩa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phúc Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 07/8/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc: *Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐST-DS ngày 17/5/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS, ngày 16/7/2024; Thông báo thời gian xét xử số 51/TB-TA, ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H (theo văn bản ủy quyền ngày 17/7/2024)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H1;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Bà N, bà H có mặt; anh H1 yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Mẹ đẻ nguyên đơn là cụ Lê Thị C (chết 1995) sinh hạ được 02 người con gồm: Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 và Nguyễn Thị T, sinh năm 1946 (chết 2014) không có chồng, chỉ có 01 người con nuôi tên Nguyễn Ngọc H1. Ngoài

những người con kê trên thì mẹ nguyên đơn không còn người con nào khác. Riêng cha nguyên đơn đã chết trước năm 1975.

Nguyên thừa đất số 207, tờ bản đồ số 06 thị trấn M, diện tích 970,3m² (Tọa lạc tại: Tổ dân phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi) có nguồn gốc được Nhà Nước giao theo Nghị định 64/CP cho hộ của mẹ nguyên đơn là bà Lê Thị C với 02 nhân khẩu là cụ Lê Thị C và Nguyễn Thị T. Sau khi được Nhà nước giao đất, mẹ và em gái Nguyễn Thị T sử dụng đến năm 1995 thì bà C qua đời, từ đó Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng. Năm 2014 Nguyễn Thị T chết thì con nuôi của Nguyễn Thị T là Nguyễn Ngọc H1 tiếp tục sử dụng.

Ngày 08/12/2022 UBND huyện M ban hành Quyết định số 1204/QĐ-UBND để thu hồi thửa đất trên và có chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất với số tiền là: 225.415.530 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, năm trăm ba mươi đồng). Trong đó: bồi thường, hỗ trợ về đất là 203.763.000 đồng, bồi thường cây cối hoa màu 4.948.530 đồng, hỗ trợ khác 16.704.000 đồng. Do tại thời điểm thu hồi đất và bồi thường thì ông Nguyễn Ngọc H1 là người đang sử dụng đất nên UBND huyện M ban hành quyết định thu hồi đất đối với ông H1 và người đứng tên nhận bồi thường cũng là ông Nguyễn Ngọc H1. Ngay khi phát hiện ông H1 có trong danh sách nhận bồi thường, bà đã đề xuất với ông H1 chia số tiền bồi thường nhưng ông H1 không đồng ý.

Vì vậy, tại phiên toà hôm nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức giải quyết: Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là số tiền bồi thường, hỗ trợ, thu hồi thửa đất số 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m² thị trấn M tương ứng với số tiền 225.415.530 đồng, bà N yêu cầu được nhận ½ số tiền bồi thường là 110.233.500 đồng.

* Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27 tháng 11 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Ngọc H1 có văn bản trình bày:

- Ngày 08/12/2022, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số: 1204/QĐ-UBND Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Sân vận động huyện M, thị trấn M, huyện M. Tại Điều 1 của Quyết định đã xác định rõ: “thu hồi đất của ông Nguyễn Ngọc H1...”

- Ngày 20/12/2022, Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số: 5288/QĐ-UBND Về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Ngọc H1, thường trú tại thị trấn M để thực hiện Dự án: Sân vận động huyện M, thị trấn M, huyện M. Tại Điều 1 của Quyết định đã xác định rõ: “Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Ngọc H1...”

- Các quyết định trên đã xác định cụ thể cá nhân anh là người được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ. Các Quyết định này đều đã có hiệu lực thi hành và cơ quan chức năng đã chi trả cho anh đúng theo quy định pháp luật.

- Ngoài ra, theo quy định tại Điều 186, 187 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu theo như Thông báo thụ lý đã nêu.

Do đó, anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M đã cung cấp tài liệu liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Ngọc H1 để thực hiện dự án Sân vận động huyện M và không có ý kiến gì liên quan đến vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ sau:

1. Thu thập tài liệu để chứng minh tại thời điểm năm 1993, khi Nhà nước giao đất cho hộ bà Lê Thị C thì bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc H1 có phải là đối tượng được cấp đất theo Nghị định 64/CP. Bà C có được giao đất theo Nghị định 64/CP không, nếu bà C được giao đất theo Nghị định 64/CP thì năm 1996 bà T tiếp tục sử dụng và được cấp đất đó cho hộ bà T vào năm 1996, năm 2002 không.

2. Thu thập tài liệu để chứng minh bà Nguyễn Thị T nhận ông Nguyễn Ngọc H1 làm con nuôi vào thời điểm nào. Trước khi nhận ông H1 làm con nuôi thì ông H1 sống trong hộ gia đình nào, là con của ai. Đã được cấp đất theo Nghị định 64/CP hay chưa.

3. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1996 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 thì hộ bà Nguyễn Thị T gồm có bao nhiêu nhân khẩu. Gồm những ai.

4. Tại biên bản làm việc ngày 17/4/2024, UBND thị trấn M xác định thửa đất số 207, tờ bản đồ số 6, diện tích 970,3m² tại thị trấn M, huyện M vào thời điểm năm 1993 được cấp cho 02 khẩu thuộc hộ gia đình bà Lê Thị C nhưng UBND thị trấn M không xác định được 02 khẩu trên gồm những ai trong hộ bà Lê Thị C. Yêu cầu UBND thị trấn M cung cấp tài liệu, chứng cứ của việc nhận định trên. Lý do vì sao UBND thị trấn M không xác định được thông tin về nhân khẩu của 02 khẩu được cấp đất thuộc hộ gia đình bà Lê Thị C vào năm 1993.

5. Yêu cầu UBND huyện M cung cấp hồ sơ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với việc cấp đất cho cá nhân bà Nguyễn Thị T vào năm 1996 và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T vào năm 2002. Tại sao năm 1996, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 6, diện tích 970,3m² tại thị trấn M, huyện M có nguồn gốc là đất cấp cho hộ gia đình nhưng lại được cấp cho cá nhân bà Nguyễn Thị T và năm 2002 tiếp tục được cấp đổi cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T. Tại thời điểm các năm 1996 và 2002 thì ai là người đi kê khai để được cấp và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản do bà Lê Thị C để lại. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về thừa kế tài sản. Tài sản tranh chấp là số tiền bồi thường

thửa đất số 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m², thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án, xét thấy Trung tâm phát triển quỹ đất huyện M không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án, nên Hội đồng xét xử không xác định là đương sự trong vụ việc dân sự theo khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến gì về việc xác định diện tích đất bị thu hồi, số tiền bồi thường, đền bù hay quyền nhận tiền hỗ trợ, bồi thường; không có ý kiến gì về giá trị bồi thường, Quyết định thu hồi đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Về hàng thừa kế: Bà C chết năm 1995 không để lại di chúc và khi bà C chết thì cha và mẹ bà C đã chết trước bà C. Bà Lê Thị C sinh được 02 người con là Nguyễn Thị T (chết 2014) và bà Nguyễn Thị N. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà C gồm bà N và bà T (bà T chỉ có 01 người con là anh H1 nên anh H1 là người thừa kế theo pháp luật). Ngoài những người con trên cụ Lê thị C1 không còn có con riêng, không có con nuôi nào khác.

[4.2]. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu, nguyên đơn yêu cầu được nhận ½ số tiền 225.415.530 đồng, tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi thửa đất số 207, tờ bản đồ số 06 diện tích 970,3m² thị trấn M, huyện M. Hội đồng xét xử xét thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là ½ số tiền bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là 110.233.500 đồng cho 2 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Thị C; theo đó mỗi phần thừa kế sẽ là 55.116.750 đồng (110.233.500 đồng : 2). Như vậy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ và vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được chấp nhận.

[4.3]. Về xác định di sản thừa kế:

[4.3.1]. Về nguồn gốc thửa đất 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m², thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T.

[4.3.2]. Quá trình khởi kiện, thụ lý và giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị N xác định thửa đất số 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m², thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản chung của cụ Lê Thị C và bà Nguyễn Thị T, được Nhà nước cấp cho hộ cụ Lê Thị C vào năm 1993. Tuy nhiên, trong quá trình

giải quyết vụ án Tòa án đã làm việc với nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh thửa đất nêu trên là di sản do cụ **Lê Thị C** để lại, nhưng bà **N** không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thửa đất 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m², thị trấn **M**, huyện **M**, tỉnh **Quảng Ngãi** là tài sản chung của cụ **Lê Thị C** và bà **Nguyễn Thị T**. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với các cơ quan liên quan là **UBND thị trấn M** và **Hợp tác xã Nông nghiệp thị trấn M** đều xác nhận bà **Nguyễn Thị T** có tên trong danh sách giao ruộng, có số thứ tự là 46, suất 0,6, diện tích quy chuẩn là 1.170m², diện tích còn giao tiếp là 1.170m², số thửa 210 và 211 diện tích 930m².

[4.4] Tại thời điểm năm 1993, thì trong Hộ khẩu của cụ **Lê Thị C** có 03 nhân khẩu gồm: Cụ bà **Lê Thị C**, sinh năm 1906, bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1946 và ông **Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1987. Mặc dù, trong Hộ cụ **Lê Thị C** có 03 nhân khẩu nhưng chỉ phân bổ: 0,6 xuất ruộng/khẩu x 02 khẩu. **UBND thị trấn M** không thể xác định 02 khẩu được Nhà nước giao thửa đất số 207 nêu trên có xuất của cụ **Lê Thị C** hay không, vì trong hồ sơ lưu trữ tại địa phương không thể hiện và cũng không có tài liệu hay chứng cứ nào chứng minh tại sao trong hộ bà **C** có 03 nhân khẩu nhưng chỉ phân bổ cho 02 nhân khẩu.

[4.5] Theo quy định tại Điều 6 Nghị định của chính phủ số 64-CP ngày 27-9-1993 về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp thì: “Đối tượng giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài là nhân khẩu nông nghiệp thường trú tại địa phương...”. Đồng thời, tại Điều 2 Luật đất đai năm 1993 quy định: “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Cụ **Lê Thị C** chết ngày 22 tháng 11 năm 1995 nhưng đến ngày 12/01/1996 thửa đất trên mới được **UBND huyện M** cấp cho bà **Nguyễn Thị T** (người đang sử dụng đất ổn định) là hoàn toàn phù hợp với Điều 3 của Nghị định số 64-CP, ngày 27-9-1993.

[4.6] Về quá trình cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 207 như sau: Vào ngày 12/01/1996, thửa đất được **UBND huyện M** cấp Giấy CNQSDĐ cho bà **Nguyễn Thị T**, số G 936439, đứng tên cá nhân bà **Nguyễn Thị T**, thửa đất số 1139, tờ bản đồ số 8, diện tích thửa 970m², hạn sử dụng 20 năm. Đến ngày 16/12/2002, **UBND huyện M** cấp đổi Giấy CNQSDĐ số W221416, đứng tên hộ bà **Nguyễn Thị T**, thửa đất số 207, tờ bản đồ số 6, diện tích thửa 970,3m², loại đất: đất trồng lúa (LUC). Ngày 07/02/2014 thì bà **Nguyễn Thị T** chết, sau khi bà **T** chết thì ông **Nguyễn Ngọc H1** tiếp tục canh tác thửa đất trên. Ngày 05/9/2019 **UBND thị trấn** chứng thực ông **Nguyễn Ngọc H1** là người thừa kế duy nhất của bà **Nguyễn Thị T**. Sau đó Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh - **Chi nhánh huyện M** chỉnh lý biến động quyền sử dụng đất từ bà **Nguyễn Thị T** sang ông **Nguyễn Ngọc H1** vào ngày 16/9/2019. Suốt quá trình bà **T**, ông **H1** canh tác sử dụng thửa đất trồng lúa này, không ai tranh chấp, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất cũng không ai khiếu nại hay tranh chấp gì cho đến khi Nhà nước có quyết định thu hồi thì bà **N** tranh chấp số tiền anh **H1** nhận bồi thường.

[4.7] Việc bà Nguyễn Thị N cho rằng thừa đất trên là của mẹ bà cụ Lê Thị C, nhưng anh H1 nhận tiền bồi thường làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Tuy nhiên, suốt quá trình giải quyết vụ án, bà không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh thừa đất trên là di sản của cụ Lê Thị C. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn không thu thập được tài liệu, chứng cứ chứng minh thừa đất trên là di sản của bà Lê Thị C.

[4.8]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở xác định một phần thừa đất 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m², thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là di sản của cụ Lê Thị C. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là số tiền 225.415.530 đồng, tiền bồi thường, hỗ trợ, thu hồi thừa đất số 207, tờ bản đồ số 06 diện tích 970,3m² thị trấn M cho 2 đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê thị C1, theo đó mỗi kỹ phần là 110.233.500 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ theo Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Bà Nguyễn Thị Nào 1 người cao tuổi, được miễn tiền án phí.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Mộ Đức đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án thì Tòa án ban hành văn bản, đã hướng dẫn nguyên đơn thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ trong vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Mặc khác, Tòa án đã hỗ trợ thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chính vì vậy mà đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố Tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào các Điều 612, 613, 614, 623 Bộ luật dân sự 2015; Điều 2, 3 Luật người cao tuổi; Căn cứ khoản 1 Điều 2, Điều 22 Luật đất đai năm 1993; Điều 3 và Điều 6 Nghị định 64/CP, ngày 27/9/1993 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N về yêu cầu chia thừa kế tài sản là số tiền bồi thường, hỗ trợ, thu hồi thừa đất số 207, tờ bản đồ số 06, diện tích 970,3m² tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, số tiền 225.415.530 đồng, nguyên đơn yêu cầu được nhận ½ số tiền bồi thường là 110.233.500 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nào 1 người cao tuổi, được miễn tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh, huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND TT Mộ Đức;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp